

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ: I - NĂM HỌC: 2025-2026
(CẬP NHẬT KHÓA 22 CÁC NGÀNH: KHOA HỌC QUẢN LÝ, VĂN HỌC, NGÔN NGỮ ANH)

Hướng dẫn chung:

- Các phòng 3A. hoặc 3B. học tại Giảng đường 3A và 3B của Trường Đại học Khoa học. ví dụ: phòng học 3A.P102 là phòng học P.102 ở giảng đường 3A
- Các lớp Giáo dục thể chất học tại Khu sân tập cạnh Nhà thi đấu đa năng;
- Các học phần mời giảng, thực tập thực tế, giờ thực hành (nếu có) sẽ thông báo sau khi thống nhất kế hoạch với các Khoa;

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
1	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_05 (AT1 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	25/08/2025-14/09/2025	3									10,11	3A. P302			
				MG: Đinh Thị Tuyết	15/09/2025-26/10/2025	6									2,3	Online 102			
				MG: Đinh Thị Tuyết	27/10/2025-07/12/2025	6									2,3	Online 102			
2	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_06 (AT2 22, AH 22)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3					7,8	3A. P304							
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-26/10/2025	6							4,5	Online 102					
				Lý Thị Thu Huyền	27/10/2025-07/12/2025	6							4,5	Online 102					
3	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_07 (AT3 22, LýBD 22)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3			7,8	3A. P202									
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-26/10/2025	6					3,4	Online 102							
				Lý Thị Thu Huyền	27/10/2025-07/12/2025	6					3,4	Online 102							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
4	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_08 (Anh 22, DTTS 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	25/08/2025-14/09/2025	3			10,11	3A. P301									
				MG: Đinh Thị Tuyết	15/09/2025-26/10/2025	6	1,2	Online 102											
				MG: Đinh Thị Tuyết	27/10/2025-07/12/2025	6	1,2	Online 102											
5	PRJ231	3	Dạy học dự án_01 (Văn1 22)	Tạ Thị Thảo	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9	3B. P202									
				Nguyễn Thị Hồng Trâm	27/10/2025-07/12/2025	6			7,8,9	3B. P202									
6	PRJ231	3	Dạy học dự án_02 (Văn2 22)	Tạ Thị Thảo	25/08/2025-26/10/2025	9				7,8,9	3B. P501								
				Nguyễn Thị Hồng Trâm	27/10/2025-07/12/2025	6				7,8,9	3B. P501								
7	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_12 (Văn1 22)	Hoàng Minh Tuấn	18/08/2025-26/10/2025	10											1,2,3	Sân bóng rổ	
8	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_13 (Văn2 22)	Đoàn Hải Linh	18/08/2025-26/10/2025	10											1,2,3	Sân bóng rổ	
9	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_09 (Anh 22)	Dương Văn Tiệp	18/08/2025-26/10/2025	10											9,10,11	Sân tập 1	
10	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_10 (AT1 22, HóaGV 22)	Dương Văn Tiệp	18/08/2025-26/10/2025	10											1,2,3	Sân tập 1	
11	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_11 (AT2 22, CNSH 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10			1,2,3	Sân tập 1									
12	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_12 (AT3 22, CNH 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10			3,4,5	Sân tập 1									
13	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_16 (KHQL1 22, AH 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10					3,4,5	Sân tập 1							
14	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_17 (KHQL2 22, AH 22)	Dương Minh Cường	18/08/2025-26/10/2025	10			1,2,3	Sân tập 1									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
15	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_01 (Văn1 22)	Lê Thị Sự	18/08/2025-24/08/2025	1	3,4,5	3A. P101											
				Lê Thị Sự		1					3,4,5	3A. P101							
				Lê Thị Sự		1									2,3	3A. P101			
				Lê Thị Sự	25/08/2025-26/10/2025	9					8,9	Online 101							
				Lê Thị Sự	27/10/2025-09/11/2025	2					8,9	Online 101							
16	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_02 (Văn2 22)	Lê Thị Sự	18/08/2025-24/08/2025	1			3,4,5	3A. P101									
				Lê Thị Sự		1							3,4,5	3A. P101					
				Lê Thị Sự		1					1,2	3A. P101							
				Lê Thị Sự	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	Online 101									
				Lê Thị Sự	27/10/2025-09/11/2025	2			10,11	Online 101									
17	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_10 (KHQL1 22)	Đinh Thị Hiền	18/08/2025-24/08/2025	1									2,3	3A. P104			
				Đinh Thị Hiền		1			3,4,5	3A. P104									
				Đinh Thị Hiền		1							3,4,5	3A. P104					
				Đinh Thị Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9	1,2	Online 101											
				Đinh Thị Hiền	27/10/2025-09/11/2025	2	1,2	Online 101											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
18	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_11 (KHQL2 22)	Trương Thị Thảo Nguyên	18/08/2025-24/08/2025	1	1,2,3	3A. P202											
				Trương Thị Thảo Nguyên		1					3,4,5	3A. P202							
				Trương Thị Thảo Nguyên		1								4,5	3A. P202				
				Trương Thị Thảo Nguyên	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8	Online 101											
				Trương Thị Thảo Nguyên	27/10/2025-09/11/2025	2	7,8	Online 101											
19	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_13 (Văn1 22, Văn2 22)	Đinh Thị Hiền	18/08/2025-24/08/2025	1						9,10,11	3A. P104						
				Đinh Thị Hiền		1	7,8	3A. P104											
				Đinh Thị Hiền		1			9,10,11	3A. P104									
				Đinh Thị Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9					1,2	Online 101							
				Đinh Thị Hiền	27/10/2025-09/11/2025	2					1,2	Online 101							
20	SRK231	3	Kỹ năng đọc viết tiếng Hàn_03 (AH 22)	Trần Thị Thanh Hương	25/08/2025-26/10/2025	9						1,2,3	3A. P102						
				Trần Thị Thanh Hương	27/10/2025-07/12/2025	6						1,2,3	3A. P102						
21	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_01 (AT1 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8,9	3A. P302							
				La Thị Mỹ Quỳnh	27/10/2025-07/12/2025	6					7,8,9	3A. P302							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
22	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_02 (AT2 22, AH 22)	Phạm Thị Vân Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9									1,2,3	3B. P102			
				Phạm Thị Vân Huyền	27/10/2025-07/12/2025	6									1,2,3	3B. P102			
23	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_03 (AT3 22)	Phạm Thị Vân Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9											1,2,3	3B. P303	
				Phạm Thị Vân Huyền	27/10/2025-07/12/2025	6	7,8,9	3A. P304											
24	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_04 (Anh 22)	Nguyễn Thị Trà My	25/08/2025-26/10/2025	9						9,10,11	3A. P301						
				Nguyễn Thị Trà My	27/10/2025-07/12/2025	6						9,10,11	3A. P301						
25	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_01 (AT1 22)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9	3A. P302									
				Nguyễn Thị Quế	27/10/2025-07/12/2025	6			7,8,9	3A. P302									
26	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_02 (AT2 22)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-26/10/2025	9					9,10,11	3A. P304							
				Nguyễn Thị Quế	27/10/2025-07/12/2025	6					9,10,11	3A. P304							
27	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_03 (AT3 22)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8,9	3B. P302					
				Nguyễn Thị Quế	27/10/2025-07/12/2025	6							7,8,9	3B. P302					
28	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_04 (Anh 22)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-26/10/2025	9	9,10,11	3A. P301											
				Nguyễn Thị Quế	27/10/2025-07/12/2025	6	9,10,11	3A. P301											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
29	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_05 (AH 22, Anh 22)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8,9	3A. P201			
				Nguyễn Thị Quế	27/10/2025-07/12/2025	6									7,8,9	3A. P201			
30	HMI131	3	Lịch sử tư tưởng quản lý_01 (KHQL1 22)	Nguyễn Thanh Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8	3B. P303			
				Nguyễn Thị Linh		9			10,11	3B. P303									
				Nguyễn Thanh Huyền	27/10/2025-07/12/2025	6			10,11	3B. P303									
				Nguyễn Thị Linh		6									7,8	3B. P303			
31	HMI131	3	Lịch sử tư tưởng quản lý_02 (KHQL2 22)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-26/10/2025	9						10,11	3B. P303						
				Nguyễn Thanh Huyền		9			7,8	3B. P501									
				Nguyễn Thị Linh	27/10/2025-16/11/2025	3			7,8	3B. P501									
				Nguyễn Thanh Huyền		3						10,11	3B. P303						
32	LOG131	3	Logic học đại cương_01 (KHQL1 22)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-26/10/2025	9											9,10,11	3B. P204	
				Nguyễn Thị Linh	27/10/2025-07/12/2025	6											9,10,11	3B. P204	
33	LOG131	3	Logic học đại cương_02 (KHQL2 22)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-26/10/2025	9						7,8,9	3B. P303						
				Nguyễn Thị Linh	27/10/2025-07/12/2025	6						7,8,9	3B. P303						

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
34	ADL331	3	Luật hành chính_01 (KHQL1 22)	Lê Thanh Huyền	25/08/2025-28/09/2025	5	9,10,11	3B. P303											
				Trịnh Vương An	29/09/2025-26/10/2025	4	9,10,11	3B. P303											
				Trịnh Vương An	27/10/2025-07/12/2025	6	9,10,11	3B. P303											
35	ADL331	3	Luật hành chính_02 (KHQL2 22)	Lê Thanh Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9			9,10,11	3B. P501									
				Lê Thanh Huyền	27/10/2025-07/12/2025	6			9,10,11	3B. P501									
36	LTH332	3	Lý luận văn học 2_01 (Văn1 22)	Vũ Thị Hạnh	25/08/2025-26/10/2025	9							10,11	3B. P202					
				Vũ Thị Hạnh		9			10,11	3B. P102									
				Vũ Thị Hạnh	27/10/2025-16/11/2025	3			10,11	3B. P102									
				Vũ Thị Hạnh		3							10,11	3B. P202					
37	LTH332	3	Lý luận văn học 2_02 (Văn2 22)	Vũ Thị Hạnh	25/08/2025-26/10/2025	9					10,11	3B. P501							
				Vũ Thị Hạnh		9											7,8	3B. P501	
				Vũ Thị Hạnh	27/10/2025-16/11/2025	3												7,8	3B. P501
				Vũ Thị Hạnh		3					10,11	3B. P501							
38	SUM231	3	Quản trị khởi nghiệp_03 (Văn1 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8,9	3B. P202					
				Trần Thị Hồng	27/10/2025-07/12/2025	6							7,8,9	3B. P202					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
39	SUM231	3	Quản trị khởi nghiệp_04 (Văn2 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9											9,10,11	3B. P102	
				Trần Thị Hồng	27/10/2025-07/12/2025	6											9,10,11	3B. P102	
40	FDJ231	3	Quản trị kinh doanh_01 (KHQL1 22)	Trịnh Thị Phương Dung	25/08/2025-26/10/2025	9											7,8	3B. P204	
				Trịnh Thị Phương Dung		9	7,8	3B. P303											
				Trịnh Thị Phương Dung	27/10/2025-16/11/2025	3	7,8	3B. P303											
				Trịnh Thị Phương Dung		3											7,8	3B. P204	
41	FDJ231	3	Quản trị kinh doanh_02 (KHQL2 22)	Trịnh Thị Phương Dung	25/08/2025-26/10/2025	9					10,11	3B. P502							
				Trịnh Thị Phương Dung		9											9,10	3B. P301	
				Trịnh Thị Phương Dung	27/10/2025-16/11/2025	3											9,10	3B. P301	
				Trịnh Thị Phương Dung		3					10,11	3B. P502							
42	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_01 (AT1 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	3A. P302									
				Nguyễn Hải Quỳnh		9							9,10	3A. P302					
				Nguyễn Hải Quỳnh	27/10/2025-07/12/2025	6			10,11	3A. P302									
				Nguyễn Hải Quỳnh		6							9,10	3A. P302					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
43	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_02 (AT2 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2025-14/09/2025	3							7,8	3A. P304					
				Nguyễn Hải Quỳnh		3			8,9	3A. P304									
				Nguyễn Hải Quỳnh	15/09/2025-26/10/2025	6			8,9	3A. P304									
				Nguyễn Hải Quỳnh		6							7,8	3A. P103					
				Nguyễn Hải Quỳnh	27/10/2025-07/12/2025	6			8,9	3A. P304									
				Nguyễn Hải Quỳnh		6							7,8	3A. P103					
44	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_03 (AT3 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2025-14/09/2025	3					7,8	3A. P301							
				Nguyễn Hải Quỳnh		3									7,8	3A. P304			
				Nguyễn Hải Quỳnh	15/09/2025-26/10/2025	6					7,8	3A. P301							
				Nguyễn Hải Quỳnh		6									7,8	3A. P502			
				Nguyễn Hải Quỳnh	27/10/2025-07/12/2025	6					7,8	3A. P301							
				Nguyễn Hải Quỳnh		6									7,8	3A. P502			
45	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_04 (Anh 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9					9,10	3A. P301							
				Nguyễn Hải Quỳnh		9									9,10	3A. P301			
				Nguyễn Hải Quỳnh	27/10/2025-07/12/2025	6					9,10	3A. P301							
				Nguyễn Hải Quỳnh		6									9,10	3A. P301			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
46	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_05 (AH 22, Anh 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8,9,10	3A. P502											
				Nguyễn Hải Quỳnh	27/10/2025-07/12/2025	6	7,8,9,10	3A. P502											
47	ENG133	3	Tiếng Anh 3_10 (KHQL1 22)	Đào Đình Mạnh	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9	3B. P303									
				Đào Đình Mạnh	27/10/2025-07/12/2025	6			7,8,9	3B. P303									
48	ENG133	3	Tiếng Anh 3_11 (KHQL2 22)	Nguyễn Giang An	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8,9	3B. P502							
				Nguyễn Giang An	27/10/2025-07/12/2025	6					7,8,9	3B. P502							
49	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_01 (AT1 22)	Nguyễn Giang An	25/08/2025-26/10/2025	9					10,11	3A. P302							
				Nguyễn Giang An		9							7,8	3A. P302					
				Nguyễn Giang An	27/10/2025-07/12/2025	6					10,11	3A. P302							
				Nguyễn Giang An		6							7,8	3A. P302					
50	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_02 (AT2 22)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	3A. P304									
				Nguyễn Thị Tuyết		9							9,10	3A. P304					
				Nguyễn Thị Tuyết	27/10/2025-23/11/2025	4			10,11	3A. P304									
				Nguyễn Thị Tuyết		4							9,10	3A. P304					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
51	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_03 (AT3 22)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-14/09/2025	3					10,11	3A. P502							
				Nguyễn Thị Tuyết		3									9,10	3A. P304			
				Nguyễn Thị Tuyết	15/09/2025-26/10/2025	6					10,11	3A. P502							
				Nguyễn Thị Tuyết		6									9,10	3A. P502			
				Nguyễn Thị Tuyết	27/10/2025-07/12/2025	6					10,11	3A. P502							
				Nguyễn Thị Tuyết		6									9,10	3A. P502			
52	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_04 (Anh 22)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8	3A. P102							
				Nguyễn Thị Tuyết		9									7,8	3A. P301			
				Nguyễn Thị Tuyết	27/10/2025-07/12/2025	6					7,8	3A. P102							
				Nguyễn Thị Tuyết		6									7,8	3A. P301			
53	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_05 (AH 22, Anh 22)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8	3A. P504									
				Nguyễn Thị Tuyết		9							7,8	3A. P301					
				Nguyễn Thị Tuyết	27/10/2025-07/12/2025	6			7,8	3A. P504									
				Nguyễn Thị Tuyết		6							7,8	3A. P301					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
54	LIK133	3	Tiếng Hàn 3_03 (AH 22)	Hồ Thị Ngọc Bích	25/08/2025-26/10/2025	9					9,10,11	3A. P303							
				Hồ Thị Ngọc Bích	27/10/2025-07/12/2025	6						9,10,11	3A. P303						
55	CHE233	3	Tiếng Trung 3_01 (AT1 22)	Nguyễn Văn Tiến	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8,9	3A. P302			
				Nguyễn Văn Tiến	27/10/2025-07/12/2025	6									7,8,9	3A. P302			
56	CHE233	3	Tiếng Trung 3_02 (AT2 22)	Nguyễn Văn Tiến	25/08/2025-26/10/2025	9											3,4,5	3B. P402	
				Nguyễn Văn Tiến	27/10/2025-23/11/2025	4											3,4,5	3B. P402	
57	CHE233	3	Tiếng Trung 3_03 (AT3 22)	Nguyễn Văn Tiến	25/08/2025-26/10/2025	9			9,10,11	3A. P202									
				Nguyễn Văn Tiến	27/10/2025-07/12/2025	6			9,10,11	3A. P202									
58	CHE233	3	Tiếng Trung 3_04 (Anh 22)	Nguyễn Văn Tiến	25/08/2025-26/10/2025	9			3,4,5	3B. P102									
				Nguyễn Văn Tiến	27/10/2025-07/12/2025	6			3,4,5	3B. P102									
59	VIE342	4	Tiếng Việt 2_01 (Văn1 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	25/08/2025-14/09/2025	3	10,11	3B. P202											
				La Thị Mỹ Quỳnh		3							7,8	3B. P202					
				La Thị Mỹ Quỳnh	15/09/2025-26/10/2025	6	10,11	3B. P202											
				La Thị Mỹ Quỳnh		6							7,8	3B. P102					
				La Thị Mỹ Quỳnh	27/10/2025-07/12/2025	6	10,11	3B. P202											
				La Thị Mỹ Quỳnh		6								7,8	3B. P102				

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
60	VIE342	4	Tiếng Việt 2_02 (Văn2 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8	3B. P501											
				La Thị Mỹ Quỳnh		9									10,11	3B. P101			
				La Thị Mỹ Quỳnh	27/10/2025-07/12/2025	6	7,8	3B. P501											
				La Thị Mỹ Quỳnh		6									10,11	3B. P101			
61	OGS231	3	Tổ chức học_01 (KHQL1 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9							10,11	3B. P401					
				Trần Thị Hồng		9					7,8	3B. P101							
				Trần Thị Hồng	27/10/2025-16/11/2025	3					7,8	3B. P101							
				Trần Thị Hồng		3							10,11	3B. P401					
62	OGS231	3	Tổ chức học_02 (KHQL2 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-28/09/2025	5											7,8	3B. P301	
				Trần Thị Hồng		5	10,11	3A. P204											
				Trần Thị Hồng	29/09/2025-26/10/2025	4											7,8	3B. P301	
				Trần Thị Hồng		4	10,11	3A. P103											
				Trần Thị Hồng	27/10/2025-16/11/2025	3	10,11	3A. P103											
				Trần Thị Hồng		3											7,8	3B. P301	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
63	VFL331	3	Văn học Việt Nam trung đại 1_01 (Văn1 22)	Phạm Thị Phương Thái	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8,9	3B. P202											
				Phạm Thị Phương Thái	27/10/2025-07/12/2025	6	7,8,9	3B. P202											
64	VFL331	3	Văn học Việt Nam trung đại 1_02 (Văn2 22)	Phạm Thị Phương Thái	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8,9	3B. P101			
				Phạm Thị Phương Thái	27/10/2025-07/12/2025	6									7,8,9	3B. P101			

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/ Viện/ Bộ môn;
- Các phòng chức năng;
- Website;
- Lưu: ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PGS. TS. Vũ Xuân Hòa

